



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Tỉnh Thừa Thiên Huế*

Số 37

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

	Trang
14-8-2019	02

Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2019 - 2020.

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

09-8-2019	08
15-8-2019	11

Quyết định số 1924/QĐ-UBND về việc thành lập Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Đập Tây - Chùa Ma.

Quyết định số 1969/QĐ-UBND về việc thành lập Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Nam Hòn Đèo.

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI

08-8-2019	14
-----------	----

Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về thông qua phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện A Lưới giai đoạn 2019 - 2021.

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH****Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non  
và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn  
tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2019 - 2020****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật số 44/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HDND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2019 - 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Quy định mức thu học phí của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2019 - 2020 như sau:**

1. Mức thu học phí

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

STT	Cấp học Khu vực	Mầm non		Trung học cơ sở	Trung học cơ sở có học nghề	Trung học phổ thông
		Bán trú	Không bán trú			
<b>I</b>	<b>Thành thị</b>					
1	Các phường thuộc thành phố Huế	166	110	86	105	90
2	Các phường thuộc thị xã Hương Thủy và thị xã Hương Trà	106	79	66	80	72
<b>II</b>	<b>Nông thôn</b>					
1	Các thị trấn đồng bằng	79	59	50	65	57
2	Các xã đồng bằng	51	39	32	45	42
<b>III</b>	<b>Miền núi</b>					
1	Các thị trấn miền núi	26	19	16	30	21
2	Các xã miền núi	13	11	9	15	14

Đối với học phí của cơ sở giáo dục mầm non có bán trú đã bao gồm chi phí điện nước tổ chức học bán trú.

Đối với học phí nghề phổ thông THCS đã bao gồm chi phí hỗ trợ công tác tổ chức thi lấy chứng chỉ nghề: 26.000 đồng/học sinh.

2. Các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên có học viên học chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông được áp dụng mức thu học phí tương ứng từng cấp học, từng khu vực của các trường phổ thông công lập trên địa bàn.

3. Danh sách các xã, phường, thị trấn phân theo khu vực quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

## **Điều 2. Quy định về miễn, giảm học phí:**

Các cơ sở giáo dục thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và được cấp bù miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021.

**Điều 3. Quy định về quản lý và sử dụng học phí**

1. Tổ chức thu học phí: Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu cha mẹ học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, dạy nghề phổ thông trung học cơ sở, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên có học viên học chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông học phí được thu theo số tháng thực học. Đối với cơ sở giáo dục phổ thông, học phí được thu 9 tháng/năm học.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn công tác tổ chức thu học phí đối với cấp Trung học cơ sở có học nghề đảm bảo phù hợp quy định.

2. Quản lý và sử dụng học phí: Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu học phí và nộp toàn bộ số học phí thu được vào Kho bạc Nhà nước, sử dụng hóa đơn thu học phí theo quy định của Bộ Tài chính. Cơ sở giáo dục công lập sử dụng học phí theo quy định của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê học phí theo các quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2019, thay thế Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2018 - 2019 và Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Điều 4 của Quyết định số 47/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí của các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập đối với chương trình đại trà địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm học 2018 - 2019.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Ngọc Thọ**

**Phụ lục**

**Danh sách các xã, phường, thị trấn phân theo khu vực**  
(Kèm theo Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2019  
của UBND tỉnh)

STT	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn	Khu vực miền núi
<b>a)</b>	<b>27 phường thuộc thành phố Huế</b>	<b>06 thị trấn</b>	<b>02 thị trấn</b>
1	Phường Phú Thuận	Thị trấn Phong Điền	Thị trấn Khe Tre
2	Phường Phú Bình	Thị trấn Sịa	Thị trấn A Lưới
3	Phường Tây Lộc	Thị trấn Thuận An	
4	Phường Thuận Lộc	Thị trấn Phú Lộc	
5	Phường Phú Hiệp	Thị trấn Lăng Cô	
6	Phường Phú Hậu	Thị trấn Phú Đa	
7	Phường Thuận Hòa		
8	Phường Thuận Thành		
9	Phường Phú Hòa		
10	Phường Phú Cát		
11	Phường Kim Long		
12	Phường Vĩ Dạ		
13	Phường Phường Đúc		
14	Phường Vinh Ninh		
15	Phường Phú Hội		
16	Phường Phú Nhuận		
17	Phường Xuân Phú		
18	Phường Trường An		
19	Phường Phước Vinh		
20	Phường An Cựu		
21	Phường An Hòa		
22	Phường Hương Sơ		
23	Phường An Đông		
24	Phường An Tây		
25	Phường Thủy Biều		
26	Phường Hương Long		
27	Phường Thủy Xuân		
<b>b)</b>	<b>12 phường thuộc TX Hương Thủy, Hương Trà</b>	<b>73 xã</b>	<b>32 xã</b>
1	Phường Phú Bài	<b>Huyện Phong Điền</b> Xã Phong Hòa	<b>Huyện Nam Đông</b> Xã Hương Phú
2	Phường Thủy Dương	Xã Phong Thu	Xã Hương Sơn
3	Phường Thủy Phương	Xã Phong Hiền	Xã Hương Lộc
4	Phường Thủy Châu	Xã Phong Mỹ	Xã Thượng Quảng
5	Phường Thủy Lương	Xã Phong An	Xã Hương Hòa
6	Phường Tứ Hạ	Xã Phong Xuân	Xã Hương Giang
7	Phường Hương Vân	Xã Phong Sơn	Xã Thượng Lộ
8	Phường Hương Vãn	Xã Điền Môn	Xã Thượng Nhật

STT	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn	Khu vực miền núi
9	Phường Hương Hồ	Xã Điền Lộc	Xã Hương Hữu
10	Phường Hương Xuân	Xã Phong Bình	Xã Thượng Long
11	Phường Hương Chũ	Xã Điền Hòa	
12	Phường Hương An	Xã Phong Hải	
13		Xã Phong Chương	
14		Xã Điền Hương	
15		Xã Điền Hải	
		<b>Huyện Quảng Điền</b>	
16		Xã Quảng Vinh	
17		Xã Quảng Thành	
18		Xã Quảng Thọ	
19		Xã Quảng Phú	
20		Xã Quảng Phước	
21		Xã Quảng An	
22		Xã Quảng Thái	
23		Xã Quảng Ngạn	
24		Xã Quảng Lợi	
25		Xã Quảng Công	
		<b>Thị xã Hương Trà</b>	
26		Xã Hương Bình	
27		Xã Hương Toàn	
28		Xã Hương Vinh	
29		Xã Hương Thọ	
30		Xã Bình Điền	
31		Xã Hải Dương	
32		Xã Hương Phong	
33		Xã Hồng Tiến	
34		Xã Bình Thành	
		<b>Thị xã Hương Thủy</b>	<b>Thị xã Hương Thủy</b>
35		Xã Thủy Vân	Xã Phú Sơn
36		Xã Thủy Thanh	Xã Dương Hòa
37		Xã Thủy Bằng	
38		Xã Thủy Tân	
39		Xã Thủy Phù	
		<b>Huyện Phú Vang</b>	<b>Huyện A Lưới</b>
40		Xã Phú Dương	Xã Hồng Vân
41		Xã Phú Mậu	Xã Hồng Trung
42		Xã Phú Thượng	Xã Hương Nguyên
43		Xã Phú Hồ	Xã Hồng Bắc
44		Xã Phú Lương	Xã Hồng Hạ
45		Xã Phú Thuận	Xã Hương phong
46		Xã Phú An	Xã Nhâm
47		Xã Phú Hải	Xã Hồng Thượng
48		Xã Phú Mỹ	Xã Hồng Thái
49		Xã Vinh Thanh	Xã A Roàng
50		Xã Vinh An	Xã Đông Sơn

STT	Khu vực thành thị	Khu vực nông thôn	Khu vực miền núi
51		Xã Phú Xuân	Xã A Đót
52		Xã Phú Diên	Xã Hồng Thủy
53		Xã Phú Thanh	Xã Hương Lâm
54		Xã Vinh Xuân	Xã Hồng Kim
55		Xã Vinh Phú	Xã Bắc Sơn
56		Xã Vinh Thái	Xã A Ngo
57		Xã Vinh Hà	Xã Sơn Thủy
		<b>Huyện Phú Lộc</b>	Xã Phú Vinh
58		Xã Lộc Bôn	Xã Hồng Quảng
59		Xã Lộc Sơn	
60		Xã Lộc Thủy	
61		Xã Lộc Tiến	
62		Xã Lộc Hòa	
63		Xã Xuân Lộc	
64		Xã Vinh Hưng	
65		Xã Lộc An	
66		Xã Lộc Diên	
67		Xã Lộc Trì	
68		Xã Vinh Mỹ	
69		Xã Vinh Hải	
70		Xã Vinh Giang	
71		Xã Vinh Hiền	
72		Xã Lộc Vĩnh	
73		Xã Lộc Bình	

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1924/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc thành lập Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Đập Tây - Chùa Ma****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Khu bảo vệ thủy sản Đập Tây - Chùa Ma;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1332/TTr-SNNPTNT ngày 31 tháng 7 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thành lập Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Đập Tây - Chùa Ma với những nội dung chính như sau:**1. Tên gọi:** Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Đập Tây - Chùa Ma.**2. Địa điểm:** Xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.**3. Quy mô và diện tích:** Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Đập Tây - Chùa Ma có diện tích toàn bộ mặt nước tự nhiên trong đầm phá thuộc địa giới hành chính xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc gồm 2 vùng:

- Vùng lõi bảo vệ có diện tích 35ha (trước đây là Khu bảo vệ thủy sản Đập Tây - Chùa Ma đã được thành lập theo Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 17/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế). Ranh giới được xác định bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ như sau:

TT	Ký hiệu điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	A	107°52'39"	16°20'39"
2	B	107°52'35"	16°20'33"



TT	Ký hiệu điểm	Kinh độ	Vĩ độ
3	C	107°52'07"	16°20'46"
4	D	107°51'46"	16°21'04"
5	E	107°51'50"	16°20'09"
6	F	107°52'11"	16°20'51"

- Vùng khai thác, sử dụng chung có diện tích 967ha (trước đây là vùng đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc giao quyền khai thác thủy sản vùng đầm phá cho Chi hội nghề cá Giang Xuân, xã Vinh Giang theo Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 04/5/2009). Ranh giới vùng nước theo địa giới hành chính xã Vinh Giang trừ vùng lõi bảo vệ.

**4. Mục tiêu:** Xây dựng Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản để tăng cường công tác bảo vệ nơi cư trú, tập trung sinh sản, bãi giống, bãi đẻ thủy sản và tổ chức khai thác, sử dụng chung bền vững nguồn lợi thủy sản.

**5. Nội dung trong vùng lõi bảo vệ:**

a) Nghiêm cấm hoàn toàn các hoạt động kinh tế làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản tự nhiên và môi trường thủy sinh, bao gồm:

- Khai thác thủy sản (động vật và thực vật thủy sinh).
- Nuôi trồng thủy sản (động vật và thực vật thủy sinh).
- Xây dựng các công trình sản xuất (bao gồm cả công trình nhà ở).
- Chăn thả gia súc, gia cầm vào vùng lõi bảo vệ.

b) Các hoạt động có điều kiện:

- Hoạt động khai thác thủy sản để nghiên cứu khoa học và hoạt động tiêu diệt thủy sản địch họa trong vùng lõi bảo vệ phải được sự chấp thuận của Chi cục Thủy sản theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động giao thông thủy được phép qua lại vô hại nhưng không được dùng tàu thuyền trong vùng lõi bảo vệ.

- Hoạt động du lịch sinh thái được phép khi có sự giám sát của cộng đồng ngư dân địa phương.

**6. Hoạt động trong vùng khai thác, sử dụng chung:**

- Điều tra, nghiên cứu khoa học về loài thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản.

- Khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, du lịch giải trí gắn với hoạt động thủy sản theo quy định của pháp luật.

- Tuần tra, kiểm soát việc thực thi pháp luật.

**Điều 2.** Trách nhiệm và nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức:

1. Giao Chi hội nghề cá Giang Xuân, xã Vinh Giang, huyện Phú Lộc trực tiếp quản lý Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Đập Tây - Chùa Ma; chịu trách nhiệm bảo vệ, ngăn chặn các hành vi trái pháp luật gây hại vùng lõi bảo vệ và phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan để xử lý; xây dựng quy chế quản lý, kế hoạch quản lý vùng khai thác - sử dụng chung, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê chuẩn trước khi ban hành. Việc khai thác, nuôi trồng trong vùng khai thác, sử dụng chung không trái với các quy phạm pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Định kỳ trước ngày 10/11 hàng năm, Chi hội nghề cá Giang Xuân có trách nhiệm báo cáo về công tác quản lý Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Chi cục Thủy sản.

2. Giao Chi cục Thủy sản điều phối quản lý Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Đập Tây - Chùa Ma; kiểm tra, giám sát hoạt động của Chi hội nghề cá Giang Xuân dựa trên nguồn lực chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản và các nguồn lực hợp pháp khác.

3. Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc, Ủy ban nhân dân xã Vinh Giang có trách nhiệm quản lý theo thẩm quyền chung về vùng lãnh thổ.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Lộc phối hợp với Chi cục Thủy sản quản lý theo thẩm quyền chuyên môn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Khu bảo vệ thủy sản Đập Tây - Chùa Ma.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc; Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Lộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vinh Giang; Chủ tịch Chi hội nghề cá Giang Xuân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1969/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Nam Hòn Đèo**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Khu bảo vệ thủy sản Nam Hòn Đèo, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1405/TTr-SNNPTNT ngày 13 tháng 8 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Nam Hòn Đèo với những nội dung chính như sau:

**1. Tên gọi:** Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Nam Hòn Đèo.

**2. Địa điểm:** Thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3. Quy mô và diện tích:** Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Nam Hòn Đèo có diện tích toàn bộ mặt nước tự nhiên trong đầm phá thuộc địa giới hành chính thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc gồm 2 vùng:

- Vùng lõi bảo vệ có diện tích 26ha (trước đây là Khu bảo vệ thủy sản Nam Hòn Đèo đã được thành lập theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế). Ranh giới được xác định bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ như sau:

TT	Ký hiệu điểm	Kinh độ	Vĩ độ
1	A	107°51'37"	16°16'59"
2	B	107°51'45"	16°17'12"
3	C	107°51'59"	16°17'01"
4	D	107°51'48"	16°16'47"

- Vùng khai thác, sử dụng chung có diện tích 1.130ha (trước đây là vùng đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc giao quyền khai thác thủy sản vùng đầm phá cho Chi hội nghề cá thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 20/01/2011). Ranh giới vùng nước theo địa giới hành chính thị trấn Phú Lộc trừ vùng lõi bảo vệ.

**4. Mục tiêu:** Xây dựng Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản để tăng cường công tác bảo vệ nơi cư trú, tập trung sinh sản, bãi giống, bãi đẻ thủy sản và tổ chức khai thác, sử dụng chung bền vững nguồn lợi thủy sản.

**5. Nội dung trong vùng lõi bảo vệ:**

a) Nghiêm cấm hoàn toàn các hoạt động kinh tế làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản tự nhiên và môi trường thủy sinh, bao gồm:

- Khai thác thủy sản (động vật và thực vật thủy sinh).
- Nuôi trồng thủy sản (động vật và thực vật thủy sinh).
- Xây dựng các công trình sản xuất (bao gồm cả công trình nhà ở).
- Chăn thả gia súc, gia cầm vào vùng lõi bảo vệ.

b) Các hoạt động có điều kiện:

- Hoạt động khai thác thủy sản để nghiên cứu khoa học và hoạt động tiêu diệt thủy sản địch họa trong vùng lõi bảo vệ phải được sự chấp thuận của Chi cục Thủy sản theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động giao thông thủy được phép qua lại vô hại nhưng không được dừng tàu thuyền trong vùng lõi bảo vệ.

- Hoạt động du lịch sinh thái được phép khi có sự giám sát của cộng đồng ngư dân địa phương.

**6. Hoạt động trong vùng khai thác, sử dụng chung:**

- Điều tra, nghiên cứu khoa học về loài thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản.

- Khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, du lịch giải trí gắn với hoạt động thủy sản theo quy định của pháp luật.

- Tuần tra, kiểm soát việc thực thi pháp luật.

**Điều 2.** Trách nhiệm và nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức:

1. Giao Chi hội nghề cá thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc trực tiếp quản lý Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Nam Hòn Đèo; chịu trách nhiệm bảo vệ, ngăn chặn các hành vi trái pháp luật gây hại vùng lõi bảo vệ và phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan để xử lý; xây dựng quy chế quản lý, kế hoạch quản lý vùng khai thác - sử dụng chung, trình Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc phê chuẩn trước khi ban hành. Việc khai thác, nuôi trồng trong vùng khai thác, sử dụng chung không trái với các quy phạm pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Định kỳ trước ngày 10/11 hàng năm, Chi hội nghề cá thị trấn Phú Lộc có trách nhiệm báo cáo về công tác quản lý Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Chi cục Thủy sản.

2. Giao Chi cục Thủy sản điều phối quản lý Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản Nam Hòn Đèo; kiểm tra, giám sát hoạt động của Chi hội nghề cá thị trấn Phú Lộc dựa trên nguồn lực chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản và các nguồn lực hợp pháp khác.

3. Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc, Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc có trách nhiệm quản lý theo thẩm quyền chung về vùng lãnh thổ.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Lộc phối hợp với Chi cục Thủy sản quản lý theo thẩm quyền chuyên môn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Khu bảo vệ thủy sản Nam Hòn Đèo.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Lộc; Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Phú Lộc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc; Chủ tịch Chi hội nghề cá thị trấn Phú Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN A LƯỚI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

*A Lưới, ngày 08 tháng 8 năm 2019***NGHỊ QUYẾT****Về thông qua phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã  
trên địa bàn huyện A Lưới giai đoạn 2019 - 2021****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI  
KHÓA XI, KỲ HỌP BÁT THƯỜNG LẦN THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Sau khi xem xét Tờ trình số 83/TTr-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện A Lưới về việc đề nghị Hội đồng nhân dân huyện thông qua phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2019 - 2021; báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân huyện tán thành và thông qua phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2019 - 2021 với những nội dung chủ yếu như sau:

**1.** Nhập xã A Đót (có diện tích tự nhiên là 16,58 km<sup>2</sup>, dân số là 2.403 người) với xã Hương Lâm (có diện tích tự nhiên là 51,28 km<sup>2</sup>, dân số là 2.208 người); sau khi nhập, xã mới có diện tích tự nhiên là 67,86 km<sup>2</sup>, dân số là 4.611 người.

- Tên gọi xã mới: xã Lâm Đót.

- Trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp được đặt tại xã A Đót.

2. Nhập xã Hồng Quảng (có diện tích tự nhiên là 5,39 km<sup>2</sup>, dân số là 2.225 người) với xã Nhâm (có diện tích tự nhiên là 37,85 km<sup>2</sup>, dân số là 2.302 người); sau khi nhập, xã mới có diện tích tự nhiên là 43,24 km<sup>2</sup>, dân số là 4.527 người.

- Tên gọi xã mới: xã Quảng Nhâm.

- Trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp được đặt tại xã Nhâm.

3. Nhập xã Bắc Sơn (có diện tích tự nhiên là 10,34 km<sup>2</sup>, dân số là 1.242 người) với xã Hồng Trung (có diện tích tự nhiên là 67,40 km<sup>2</sup>, dân số là 2.053 người); sau khi nhập, xã mới có diện tích tự nhiên là 77,74 km<sup>2</sup>, dân số là 3.295 người.

- Tên gọi xã mới: xã Trung Sơn.

- Trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị của đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp được đặt tại xã Hồng Trung.

*(Có Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2019 - 2021 kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn tất thủ tục, hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện giai đoạn 2019 - 2021 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các thành viên phổ biến, quán triệt, tuyên truyền, vận động và cùng với Nhân dân tổ chức thực hiện có hiệu quả nghị quyết, tăng cường giám sát việc thực hiện nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện A Lưới khóa XI, kỳ họp bất thường lần thứ 2 thông qua ngày 08 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện biểu quyết thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Đàm Giang**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: [congbao@thuathienhue.gov.vn](mailto:congbao@thuathienhue.gov.vn);

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.